

Bản án số: 32/2018/DS-PT
Ngày 13-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Phương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Bà Phạm Thị Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Bà Đào Thị Huệ
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2018/TLPT-DS ngày 13/8/2018 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 03/7/2018 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3127/2018/QĐ-PT ngày 25/01/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng VN (VAMC); địa chỉ: Số 22 HV, Phường TTT, quận HK, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo ủy quyền của VAMC: Ngân hàng TMCP Quốc tế VN (VIB); địa chỉ: Số 16 PCT, Phường PCT, quận HK, thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 23-12-2016). Người đại diện theo ủy quyền của VIB: Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1989 và bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1989 đều là cán bộ Ngân hàng TMCP Quốc tế VN; địa chỉ: Số 9 BĐ, thị trấn NĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Bà T có mặt, bà Y vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh năm 1979 và ông Hoàng Gia K, sinh năm 1973; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 1B, phường NX, quận ĐS, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Tổ dân phố 3, phường NX, quận ĐS, thành phố Hải Phòng. Bà L và ông K đều có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị L - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án như sau:

Trong quá trình giải quyết nguyên đơn là Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng VN (VAMC) trình bày như sau: Bà Phạm Thị L và ông Hoàng Gia K vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế VN (VIB) - Phòng giao dịch Điện Biên Phủ (nay là Phòng giao dịch Ngô Quyền) theo Hợp đồng tín dụng số 179/HĐTD1-VIB33/10 ngày 29-6-2010; số tiền vay: 500.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn xây nhà để ở; thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên; lãi suất vay: Áp dụng tại thời điểm giải ngân; phương thức trả nợ: Trả nợ gốc, lãi vào ngày 16 hàng tháng (trả tối thiểu là 8.400.000đ/tháng); phụ lục hợp đồng tín dụng số 179.01/PLHĐTD-VIB/10 ngày 21-10-2010; phụ lục hợp đồng tín dụng số 179.02/ PLHĐTD-VIB/10 ngày 15-6-2011; phụ lục hợp đồng tín dụng số 179.03/ PLHĐTD-VIB/10 ngày 20-11-2012. Hợp đồng tín dụng số 253/HĐTD1-VIB33/11 ngày 02-11-2011; số tiền vay: 1.650.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh gia công cơ khí, nhôm kính, mái hiên di động; thời hạn vay: Theo khế ước nhận nợ; lãi suất vay: Áp dụng tại thời điểm giải ngân; phương thức trả nợ gốc: Một hoặc nhiều lần nhưng không quá thời hạn vay 06 tháng của từng khế ước nhận nợ, trả nợ lãi vào ngày 16 hàng tháng; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 253.01/PLHDDTD-VIB33/11 ngày 17-12-2012. Hợp đồng tín dụng số 011/HĐTD1-VIB32/13 ngày 25-01-2013; số tiền vay: 1.500.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh gia công cơ khí gồm cửa cuốn, cửa nhôm, inox, cầu thang ... và kinh doanh lắp đặt cửa cuốn, cửa nhựa, mái hiên di động; thời hạn vay: Theo khế ước nhận nợ, thời hạn mỗi khế ước nhận nợ không quá 06 tháng; lãi suất vay: Áp dụng tại thời điểm giải ngân; phương thức trả nợ gốc: Cuối kỳ theo từng khế ước nhận nợ, trả nợ lãi vào ngày 16 hàng tháng.

Để đảm bảo khoản vay trên, bà L và ông K đã thế chấp cho VIB: Quyền sử dụng đất, diện tích 357m² thuộc thửa đất số 175, tờ bản đồ số 31-NX, địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố 3, phường NX, quận ĐS, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM741683, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00481 do UBND quận ĐS cấp ngày 04-3-2009 cho ông Hoàng Gia K và bà Phạm Thị L và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà mái bằng khung cứng chịu lực, 02 tầng, diện tích 282,8 m², các tài sản gắn liền với đất khác trên thửa đất trên theo hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 833; Quyền số 01/2009.TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 20-10-2009 giữa ông bà và VIB, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận ĐS, thành phố Hải Phòng ngày 20-10-2009.

Thực hiện 03 hợp đồng tín dụng và các phụ lục hợp đồng nêu trên, VIB đã giải ngân số tiền là 2.000.000.000 đồng cho bà L và ông K theo các khế ước nhận nợ, cụ thể sau: Khế ước nhận nợ số 179.01KUNN1-VIB33/10 ngày 30-6-2010 (nhận nợ theo hợp đồng tín dụng số 179/HĐTD1-VIB33/10 ngày 29-6-2010); khế ước nhận nợ số 253.10KUNN1-VIB33/11 ngày 04-10-2012 (nhận nợ theo hợp đồng tín dụng số 253/HĐTD1-VIB33/11 ngày 02-11-2011); khế ước nhận nợ số

253.11KUNN1-VIB33/11 ngày 13-10-2012 (nhận nợ theo hợp đồng tín dụng số253/HĐTD1-VIB33/11 ngày 02-11-2011); khế ước nhận nợ số 253.12KUNN1-VIB33/11 ngày 19-10-2012 (nhận nợ theo hợp đồng tín dụng số253/HĐTD1-VIB33/11 ngày 02-11-2011); khế ước nhận nợ số 253.13KUNN1-VIB33/11 ngày 27-10-2012 (nhận nợ theo hợp đồng tín dụng số253/HĐTD1-VIB33/11 ngày 02-11-2011); khế ước nhận nợ số 011.01/HĐTD1-VIB32/11 ngày 04-02-2013 (nhận nợ theo hợp đồng tín dụng số 011/HĐTD1-VIB32/13 ngày 25-01-2013); khế ước nhận nợ số 011.02/HĐTD1-VIB32/11 ngày 07-02-2013 (nhận nợ theo hợp đồng tín dụng số011/HĐTD1-VIB32/13 ngày 25-01-2013).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng và phụ lục hợp đồng tín dụng trên, bà L và ông K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 16-3-2013, VIB chuyển nhóm nợ quá hạn đồng thời nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở và tạo điều kiện để bà L và ông K khắc phục khó khăn, thu xếp thanh toán số tiền còn nợ cho VIB nhưng bà L và ông K không thực hiện việc trả nợ như đã cam kết.

Ngày 28-5-2015, VAMC và VIB đã ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 3099/2015/MBN.VAMC2-VIB. Theo đó, VAMC sẽ kế thừa toàn bộ trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của VIB đối với khoản vay trên của bà L và ông K.

Tính đến ngày 06-11-2017, bà L và ông K đã trả cho VAMC tổng số tiền 796.425.908 đồng, trong đó trả nợ gốc 538.500.000 đồng, trả nợ lãi 257.925.908 đồng. Từ đó đến nay, bà L và ông K không trả nợ cho VAMC bất kỳ khoản tiền nào khác.

Do bị đơn vi phạm các hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng tín dụng, không thanh toán nợ nên VAMC khởi kiện yêu cầu bà L và ông K thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng nêu trên tính đến ngày 03-7-2018 là 3.274.540.711 đồng (trong đó: Tiền nợ gốc là 1.461.500.000 đồng, lãi trong hạn là 88.262.774 đồng, lãi quá hạn là 1.724.777.937 đồng).

Nếu bà L và ông K không trả ngay được toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi trên thì đề nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho VAMC. Trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà L và ông K phải có nghĩa vụ trả hết số nợ còn lại cho VAMC.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn: Bà Phạm Thị L và ông Hoàng Gia K trình bày:

Ông bà xác nhận đã ký kết với VIB các hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng tín dụng số 179/HĐTD1-VIB33/10 ngày 29-6-2010; phụ lục hợp đồng tín dụng số 179.01/PLHĐTD-VIB/10 ngày 21-10-2010; phụ lục hợp đồng tín dụng số 179.02/PLHĐTD-VIB/10 ngày 15-6-2011; phụ lục hợp đồng tín dụng số 179.03/PLHĐTD-VIB/10 ngày 20-11-2012; hợp đồng tín dụng số 253/HĐTD1-VIB33/11 ngày 02-11-2011; phụ lục hợp đồng tín dụng số 253.01/PLHĐTD-VIB33/11 ngày 17-12-2012; hợp đồng tín dụng số 011/HĐTD1-VIB32/13 ngày 25-01-2013.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, ông bà đã thế chấp cho VIB: Quyền sử dụng đất, diện tích 357m² thuộc thửa đất số 175, tờ bản đồ số 31-NX, địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố 3, phường NX, quận ĐS, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số AM741683, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00481 do UBND quận ĐS cấp ngày 04-3-2009 cho ông K và bà L và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà mái bằng khung cứng chịu lực, 02 tầng, diện tích 282,8 m², các tài sản gắn liền với đất khác trên thửa đất trên theo hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 833; Quyền số 01/2009.TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 20-10-2009 giữa ông bà và VIB, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận ĐS, thành phố Hải Phòng ngày 20-10-2009.

Thực hiện 03 hợp đồng tín dụng và các phức lục hợp đồng nêu trên, VIB đã giải ngân số tiền là 2.000.000.000 đồng cho ông bà theo các khế ước nhận nợ như đại diện nguyên đơn đã nêu. Do công việc làm ăn không thuận lợi nên ông bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho VIB. Tính đến thời điểm 06-11-2017, ông bà đã trả cho VIB tổng số tiền 796.425.908 đồng, trong đó trả nợ gốc: 538.500.000 đồng, trả nợ lãi: 257.925.908 đồng.

Về việc VIB bán khoản nợ của ông bà cho VAMC và số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 03-7-2018 là 3.274.540.711 đồng (trong đó: Tiền nợ gốc là 1.461.500.000 đồng, lãi trong hạn là 88.262.774 đồng, lãi quá hạn là 1.724.777.937 đồng) mà nguyên đơn đã nêu trên thì ông bà không có ý kiến gì. Nay, ông bà đề nghị nguyên đơn xem xét hoàn cảnh khó khăn của gia đình mà giảm bớt một phần nợ gốc và nợ lãi cho ông bà. Ông bà sẽ trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 1.400.000.000 đồng, hạn cuối cùng là ngày 30-7-2018. Ông bà đề nghị nguyên đơn miễn toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi còn lại. Trường hợp hết thời hạn trên mà ông bà không trả được số tiền trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

Tại Bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 03/7/2018 của Tòa án nhân dân quận ĐS đã:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 122, 124, 342, 355, 471, 474, 476 và 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16-5-2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng VN đối với bị đơn là bà Phạm Thị L và ông Hoàng Gia K.

1.1. Buộc bà L và ông K phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng VN số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 03-7-2018 là 3.274.540.711 (*Ba tỷ hai trăm bảy mươi tư triệu năm trăm bốn mươi nghìn bảy trăm mười một*) đồng (trong đó: Tiền nợ gốc là 1.461.500.000 đồng, lãi trong hạn là 88.262.774 đồng, lãi quá hạn là 1.724.777.937 đồng).

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà L và ông K còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.3. Trường hợp bà L và ông K thực hiện không đầy đủ hoặc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng VN có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, diện tích 357m² thuộc thửa đất số 175, tờ bản đồ số 31-NX, địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố 3, phường NX, quận ĐS, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM741683, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00481 do UBND quận ĐS cấp ngày 04-3-2009 cho ông Hoàng Gia K và bà Phạm Thị L và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà mái bằng khung cứng chịu lực, 02 tầng, diện tích 282,8 m², các tài sản gắn liền với đất khác trên thửa đất trên theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 833; Quyền số 01/2009.TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 20-10-2009 giữa ông bà và VIB, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận ĐS, thành phố Hải Phòng ngày 20-10-2009. Trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả hết khoản nợ trên thì bà L và ông K phải có nghĩa vụ trả hết số nợ còn lại cho Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng VN.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 18/7/2018, bà Phạm Thị L kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án số 03/2018/DS-ST ngày 03/8/2018 của Tòa án nhân dân quận ĐS đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xem xét, giải quyết lại toàn bộ Bản án với lý do: Gia đình bà bị phá sản, ốm đau bệnh tật và còn hai con nhỏ cùng mẹ già không còn chỗ nào khác nên không có khả năng trả nợ theo quyết định của Bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và lời khai đã khai tại phiên tòa sơ thẩm. **Tài sản thế chấp của bị đơn không có thay đổi gì như tại giai đoạn xét xử phúc thẩm.**

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận ĐS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, phát sinh giữa nguyên đơn là Tổ chức có đăng ký kinh doanh - Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng VN và bị đơn là bà Phạm Thị L và ông Hoàng Gia K, hiện đang cư trú tại Tổ dân phố 3, phường NX, quận ĐS nên theo quy định của khoản 3 Điều 26, điểm a, b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận ĐS, thành phố Hải Phòng.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng, quá trình thực hiện hợp đồng, biên bản làm việc giữa các bên, ngày 18-5-2016, VIB ra thông báo về việc khởi kiện yêu cầu trả nợ đối với bà L và ông K. Ngày 23-5-2016, bà L làm đơn đề nghị về việc xin miễn giảm lãi, lãi phạt gửi VIB. Không đồng ý với đề nghị của bà L, VAMC đã khởi kiện yêu cầu bà L và ông K thanh toán số tiền nợ vay. Theo quy định tại Điều 427 của Bộ luật Dân sự năm 2005, nguyên đơn khởi kiện vụ án trong thời hiệu được quy định.

- Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị L đề nghị xem xét, giải quyết lại toàn bộ Bản án với lý do: Gia đình bà bị phá sản, ốm đau bệnh tật và còn hai con nhỏ cùng mẹ già không còn chỗ nào khác nên không có khả năng trả nợ theo quyết định của Bản án là không có căn cứ bởi lẽ:

[4] Đối với yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Xét hợp đồng tín dụng số 179/HĐTD1-VIB33/10 ngày 29-6-2010; phụ lục hợp đồng tín dụng số 179.01/PLHĐTD-VIB/10 ngày 21-10-2010; phụ lục hợp đồng tín dụng số 179.02/PLHĐTD-VIB/10 ngày 15/6/2011; phụ lục hợp đồng tín dụng số 179.03/PLHĐTD-VIB/10 ngày 20-11-2012; hợp đồng tín dụng số 253/HĐTD1-VIB33/11 ngày 02-11-2011; phụ lục hợp đồng tín dụng số 253.01/PLHĐTD-VIB33/11 ngày 17-12-2012; hợp đồng tín dụng số 011/HĐTD1-VIB32/13 ngày 25-01-2013; khế ước nhận nợ số 179.01KUNN1-VIB33/10 ngày 30-6-2010, khế ước nhận nợ số 253.10KUNN1-VIB33/11 ngày 04-10-2012, khế ước nhận nợ số 253.11KUNN1-VIB33/11 ngày 13-10-2012, khế ước nhận nợ số 253.12KUNN1-VIB33/11 ngày 19-10-2012, khế ước nhận nợ số 253.13KUNN1-VIB33/11 ngày 27-10-2012, khế ước nhận nợ số

011.01/HĐTD1-VIB32/11 ngày 04-02-2013, khế ước nhận nợ số 011.02/HĐTD1-VIB32/11 ngày 07-02-2013 giữa VIB và bà L, ông K đều được ký kết bởi người đại diện hợp pháp của bên cho vay là VIB với bên vay bà L và ông K. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng, phụ lục hợp đồng, khế ước phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng và phụ lục hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng, phụ lục hợp đồng và khế ước.

[5] Quá trình thực hiện các hợp đồng và phụ lục hợp đồng tín dụng, VIB đã tiến hành giải ngân cho bà L và ông K số tiền là 2.000.000.000 đồng theo các khế ước nhận nợ giữa các bên đã nêu ở trên. Bị đơn đã thực hiện được một phần nghĩa vụ theo các hợp đồng và phụ lục hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày 06-11-2017, bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền là 796.425.908 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 538.500.000 đồng, tiền nợ lãi là 257.925.908 đồng. Bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ theo các hợp đồng và phụ lục hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[6] Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn thống nhất số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn. Bị đơn đề nghị trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 1.461.500.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 88.262.774 đồng và đề nghị nguyên đơn miễn toàn bộ số tiền lãi quá hạn là 1.724.777.937 đồng nhưng nguyên đơn không đồng ý. Do vậy, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 03-7-2018 là 3.274.540.711 đồng (trong đó: Tiền nợ gốc là 1.461.500.000 đồng, lãi trong hạn là 88.262.774 đồng, lãi quá hạn là 1.724.777.937 đồng).

[6] Đối với nghĩa vụ chậm thi hành án: Theo Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16-5-2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: *“Đối với khoản tiền vay của Tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”*. Xét thấy thỏa thuận của VIB và bà L, ông K về lãi suất trong hợp đồng, phụ lục hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên phù hợp với tình tiết, sự kiện pháp lý trong

án lệ. Vì vậy, nghĩa vụ chậm thi hành án của bà L, ông K sẽ thực hiện theo quy định tại Án lệ số 08/2016/AL.

[7] Đối với yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của bị đơn: Tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bà L và ông K mà nguyên đơn yêu cầu gồm: Quyền sử dụng đất, diện tích 357m² thuộc thửa đất số 175, tờ bản đồ số 31-NX, địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố 3, phường NX, quận ĐS, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM741683, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00481 do UBND quận ĐS cấp ngày 04-3-2009 cho ông Hoàng Gia K và bà Phạm Thị L và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà mái bằng khung cứng chịu lực, 02 tầng, diện tích 282,8 m², các tài sản gắn liền với đất khác trên thửa đất trên theo hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 833; Quyền số 01/2009.TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 20-10-2009 giữa ông bà và VIB, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận ĐS, thành phố Hải Phòng ngày 20-10-2009. Đến thời điểm xét xử phúc thẩm, tài sản thế chấp chưa có sự thay đổi nào về coi nới, sửa chữa hoặc mua bán, thế chấp cho bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào nên không phát sinh bất cứ quyền và nghĩa vụ nào cho các bên.

[8] Xét hợp đồng thế chấp được ký bởi người đại diện hợp pháp của bên nhận thế chấp (VIB) với bên thế chấp là chủ sở hữu tài sản hợp pháp. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, hợp đồng thế chấp có hiệu lực bắt buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Vì vậy, trong trường hợp bà L, ông K thực hiện không đầy đủ hoặc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ là thực hiện đúng thỏa thuận của các bên tại hợp đồng thế chấp.

[9]. Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng VN đối với bị đơn là bà Phạm Thị L và ông Hoàng Gia K, buộc bà L và ông K phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng VN số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 03-7-2018 là 3.274.540.711 (*Ba tỷ hai trăm bảy mươi tư triệu năm trăm bốn mươi nghìn bảy trăm mười một*) đồng (trong đó: Tiền nợ gốc là 1.461.500.000 đồng, lãi trong hạn là 88.262.774 đồng, lãi quá hạn là 1.724.777.937 đồng) nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 03/7/2018 của Tòa án nhân dân quận ĐS.

[10]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm,

bị đơn có đơn đề nghị xin miễn giảm án phí do điều kiện hoàn cảnh khó khăn. Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị đơn cư trú nên Hội đồng xét xử chấp nhận giảm 50% mức án phí (sơ thẩm và phúc thẩm) mà bị đơn phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn: Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 03/7/2018 của Tòa án nhân dân quận ĐS, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 122, 124, 342, 355, 471, 474, 476 và 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16-5-2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng VN đối với bị đơn là bà Phạm Thị L và ông Hoàng Gia K.

1.1. Buộc bà L và ông K phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng VN số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 03-7-2018 là 3.274.540.711 (*Ba tỷ hai trăm bảy mươi tư triệu năm trăm bốn mươi nghìn bảy trăm mười một*) đồng (trong đó: Tiền nợ gốc là 1.461.500.000 đồng, lãi trong hạn là 88.262.774 đồng, lãi quá hạn là 1.724.777.937 đồng).

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà L và ông K còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo

từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.3. Trường hợp bà L và ông K thực hiện không đầy đủ hoặc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng VN có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, diện tích 357m² thuộc thửa đất số 175, tờ bản đồ số 31-NX, địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố 3, phường NX, quận ĐS, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM741683, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00481 do UBND quận ĐS cấp ngày 04-3-2009 cho ông Hoàng Gia K và bà Phạm Thị L và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà mái bằng khung cứng chịu lực, 02 tầng, diện tích 282,8 m², các tài sản gắn liền với đất khác trên thửa đất trên theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 833; Quyền số 01/2009.TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 20-10-2009 giữa ông bà và VIB, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận ĐS, thành phố Hải Phòng ngày 20-10-2009. Trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả hết khoản nợ trên thì bà L và ông K phải có nghĩa vụ trả hết số nợ còn lại cho Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng VN.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà L và ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 48.745.407 (*Bốn mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm linh bảy*) đồng. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng VN 47.454.000 (*Bốn mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006761 ngày 06-12-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận ĐS, thành phố Hải Phòng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị L phải nộp 150.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0006844 ngày 23/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận ĐS, thành phố Hải Phòng. Bà Phạm Thị L được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận ĐS;
- Chi cục THADS quận ĐS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, HCTP.

Lê Ngọc Phương

Danh sách gửi bảo đảm bản án số 07/2017/DS-PT ngày 09/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng (vụ Thành – Tuấn).

1. Ông Nguyễn Mạnh Tuấn, sinh năm 1982 và bà Trần Phương Thanh, sinh năm 1982, cùng địa chỉ: Số 1104 Toà nhà TD Plaza, lô 1/20A Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

2. Công ty Cổ phần đầu tư Thủy Dương, trụ sở: Toà nhà Bussiniess Centre đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

3. Bà Vũ Thị Tuyết Nhung, sinh năm 1971, địa chỉ: Số 29A Đà Nẵng, phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

Người gửi
Ngà - TDS

Xác nhận bưu điện

CÁC THẨM PHÁN PHIÊN TÒA

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Phích Nguyễn Thị Thu Thủy

Trần Thu Hương

